

Bản án số: 92/2019/DS-PT.

Ngày: 27-5-2019.

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hương;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Hương;

Ông Nguyễn Thành Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án sơ thẩm số: 39/2018/DS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2019/QĐPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Cừu O, sinh năm: 1956 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 267, ấp T, xã Th, huyện T, Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Kiều D, sinh năm: 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T1, xã T2, huyện T, Kiên Giang.

- Người làm chứng: Bà Lương Thị G, sinh năm: 1960 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã T3, huyện T, Kiên Giang.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn Bà Lê Thị Cừu O.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Bà Lê Thị Cừu O trình bày:

Vào ngày 20/4/2015, bà cho em ruột là Bà D mượn số tiền 20.000.000 đồng, đến ngày 01/5/2016 Bà D nhờ bà mượn tiền giùm, nên bà mượn của Bà Lương Thị G 30.000.000 đồng đưa cho Bà D tại nhà Bà D, biên nhận nợ do bà ký nhận tiền. Tổng cộng Bà D nợ bà số tiền 50.000.000 đồng, bà đòi nhưng Bà D không trả.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Bà D trả cho bà 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật.

- Bị đơn Bà Lê Thị Kiều D trình bày:

Bà không vay tiền của Bà O cũng không làm biên nhận với Bà O, nên đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của Bà O.

- Người làm chứng Bà Lương Thị G trình bày:

Vào ngày 01/5/2016, bà cho Bà O mượn số tiền 50.000.000 đồng, Bà O kêu bà đưa số tiền này cho Bà D tại nhà Bà D, trước khi cho Bà O vay số tiền này các bên đã làm biên nhận nợ với nhau ngày 01/5/2016. Riêng biên nhận nợ ghi ngày 01/5/2016 Bà O nộp cho Tòa án là biên nhận viết sau khi Bà O trả cho bà 50.000.000 đồng, Bà O nhờ bà viết và ký biên nhận này để đòi nợ Bà D. Bà không chứng kiến cũng không biết việc Bà O cho Bà D mượn lại số tiền 50.000.000 đồng, bà không yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2018/DS-ST ngày 04/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Lê Thị Cừu O.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí và bảo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Đến ngày 16/10/2018, nguyên đơn Bà Lê Thị Cừu O có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Bà Lê Thị Cừu O yêu cầu Bà Lê Thị Kiều D trả cho bà số tiền 50.000.000 đồng và tính lãi theo quy định Nhà nước.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm Bà O cung cấp biên nhận vay tiền ngày 01/5/2016 do Bà G viết, nhưng biên nhận này

không có chữ ký hay chữ viết nào của Bà D, Bà D cũng không thừa nhận có việc nhờ Bà O vay tiền giùm. Đến nay Bà O không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh có sự thỏa thuận vay tiền giùm giữa Bà O với Bà D. Do đó, kháng cáo của Bà O là không có căn cứ chấp nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 39/2018/DS-ST ngày 04/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn Bà Lê Thị Kiều D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Bà D theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của Bà Lê Thị Cừu O, yêu cầu Bà Lê Thị Kiều D trả cho bà số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật, thấy rằng:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Bà D không thừa nhận nhờ Bà O vay tiền giùm của Bà G và còn nợ Bà O 50.000.000 đồng, hồ sơ vụ án không có biên nhận nợ nào thể hiện Bà D nợ bà Bà O 50.000.000 đồng có ký nhận nợ của Bà D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bà O xác định do quan hệ chị em ruột với nhau, nên việc cho vay hay vay tiền giùm Bà D, do tin tưởng nên bà không yêu cầu Bà D ký nhận nợ với bà.

Xét biên nhận ngày 01/5/2016 do Bà O cung cấp cho Tòa án có nội dung: Bà O mượn tiền của Bà G 50.000.000 đồng hỏi giùm em Bà D. Bà G xác định, biên nhận này do bà viết theo yêu cầu của Bà O được lập sau thời điểm Bà O trả xong khoản nợ 50.000.000 đồng cho bà, nên Bà G không biết việc mượn tiền giùm giữa Bà O và Bà D và cũng không chứng kiến việc Bà O cho Bà D mượn lại số tiền 50.000.000 đồng. Do đó, biên nhận ngày 01/5/2016 không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của Bà D, vì Bà D không ký nhận nợ và không thừa nhận giao dịch mượn tiền giùm như trình bày của Bà O.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bà O cung cấp biên nhận ngày 30/5/2011 (Bản photocopy) có nội dung Bà O mượn của Bà G 100.000.000 đồng. Xét thấy, biên nhận này cũng không liên quan gì đến trách nhiệm của Bà D, nên không có giá trị chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của Bà O.

Như vậy, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Bà O không cung cấp được chứng cứ chứng minh có thỏa thuận vay tiền giùm giữa bà với Bà D và Bà D còn nợ Bà O số tiền nêu trên. Nên kháng cáo của Bà O là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận nội dung kháng cáo của Bà Lê Thị Cừu O. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2018/DS-ST ngày 04/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

[3]. Về án phí:

- **Án phí sơ thẩm:** Buộc Bà Lê Thị Cừu O nộp án phí có giá ngạch đối với yêu cầu không được chấp nhận 50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.250.000 đồng. Bà O phải nộp thêm số tiền 1.250.000 đồng.

- **Án phí phúc thẩm:** Do kháng cáo của Bà Lê Thị Cừu O không được chấp nhận, nên Bà O phải nộp án phí phúc thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 91, Điều 147, Điều 148 - Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận nội dung kháng cáo của Bà Lê Thị Cừu O.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2018/DS-ST ngày 04/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Xử:

[1]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Cừu O yêu cầu Bà Lê Thị Kiều D trả 50.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 01/5/2016.

[2]. Về án phí:

- **Án phí sơ thẩm:** Buộc Bà Lê Thị Cừu O nộp án phí có giá ngạch 2.500.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007710 ngày 02/01/2018 của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện T. Bà Lê Thị Cừu O còn phải nộp thêm số tiền 1.250.000 (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn*) đồng.

- **Án phí phúc thẩm:** Buộc Bà Lê Thị Cừu O phải nộp án phí phúc thẩm 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0005223 ngày 16/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (27/5/2019).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hường